

Bản án số: 02/2024/HNGĐ – ST  
Ngày: 23-01-2024  
V/v: Yêu cầu giải quyết ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÓP CỘP - TỈNH SƠN LA**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Kỳ Việt.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lò Văn Dưỡng, bà Chăm Thị Quyển.

*Thư ký Tòa phiên tòa:* Bà Tông Thị Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Dương Văn Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 10/2023/TLST – HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2023 về việc: Yêu cầu giải quyết ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Thào Thị D**; sinh năm 1998; số định danh cá nhân: 014198xxxxxx; nơi cư trú: Bản P, xã M, huyện S, tỉnh Sơn La.

2. Bị đơn: **Anh Ly A M**, sinh năm 1996; số định danh cá nhân: 014096xxxxxx; nơi cư trú: Bản P, xã M, huyện S, tỉnh Sơn La.

Hiện đang chấp hành án phạt tù tại đội 25, phân trại số 01, Trại giam Yên Hạ - Cục C10 - Bộ Công an; địa chỉ: huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

Tại phiên tòa chị D có mặt, anh M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 05/12/2023 và bản tự khai ngày 08/12/2023 của nguyên đơn là chị Thào Thị D có nội dung:*

Chị Thào Thị D và anh Ly A M tự nguyện kết hôn ngày 15/3/2018, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mường Lạn, huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do anh M chơi bời, nghiện hút ma túy. Ngày 26/10/2021 anh M bị bắt về hành vi vi phạm pháp luật hình sự. Ngày 01/6/2022 anh M bị Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xử phạt tù chung thân về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Chị D một mình nuôi 02 con từ đó đến nay. Chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh Ly A M.

Về con chung: Có 02 cháu là Ly Đức C, giới tính: Nam, sinh ngày 08 tháng 02 năm 2017 và Ly Thị N, giới tính: Nữ, sinh ngày 17 tháng 9 năm 2018. Chị D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi 02 cháu, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung (Anh M đang phải chấp hành án tù chung thân).

Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện chị Thào Thị D đã giao, nộp các tài liệu, chứng cứ sau:

- Giấy chứng nhận kết hôn;
- Căn cước công dân chị Thào Thị D;
- Xác nhận thông tin cư trú của chị Thào Thị D, anh Ly A M cùng các cháu Ly Đức C, Ly Thị N;
- Giấy khai sinh cháu Ly Đức C và Ly Thị N;
- Bản án số 86/2022/HSST ngày 01/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

Ngày 14/12/2023, Tòa án nhân dân huyện Sốp Cộp Quyết định uỷ thác thu thập tài liệu, chứng cứ đối với Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

Ngày 02/01/2024, Tòa án nhân dân huyện Sốp Cộp nhận được kết quả uỷ thác thu thập tài liệu, chứng cứ do Tòa án nhân dân huyện Phù Yên thực hiện, gồm:

- Biên bản tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án số: 10/TBTLVA ngày 07/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La đối với bị đơn anh Ly A M;

- Bản tự khai của anh Ly A M ngày 29/12/2023 có nội dung: Về quan hệ hôn nhân anh Mua xác nhận giữa anh và chị D tự nguyện kết hôn từ ngày 15/3/2018, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mường Lạn, huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La. Trong thời kỳ hôn nhân anh M cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn cho đến khi anh M bị bắt giữ, sau đó là bị kết án tù chung thân về tội mua bán trái phép chất ma túy, anh M không nhất trí ly hôn; về con chung anh M xác nhận vợ chồng có 02 con chung (Ly Đức C và Ly Thị N), anh M không nhất trí giao 02 cháu cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng vì phía gia đình anh vẫn còn ông, bà, chú bác có thể nuôi các cháu; Về tài sản chung theo anh M vợ chồng có 01 ngôi nhà gỗ 03 gian, trị giá khoảng 40.000.000 đồng, anh đề nghị cho tặng 02 con mà không yêu cầu giải quyết chia tài sản chung khi ly hôn.

- Đơn xin vắng mặt tại tòa án do anh Ly A M viết gửi Tòa án nhân dân huyện Sốp Cộp vào ngày 29/12/2023.

Tại biên bản ghi ý kiến của cháu Ly Đức C (Sinh ngày 08/02/2017) có nội dung: Trường hợp bố mẹ cháu ly hôn, thì cháu C có nguyện vọng được trực tiếp ở với mẹ là chị Thào Thị D. Lý do bố cháu đang phải chấp hành án tù chung thân, không có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng cháu.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ ngày 26/6/2023, thì ngoài những tài liệu, chứng cứ do chị D đã giao nộp và tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập, chị D không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm và yêu cầu Tòa án không tiến hành hoà giải do anh M đang phải chấp hành án phạt tù tại trại giam.

Tại phiên tòa sau Chủ tọa phiên tòa công bố nội dung các tài liệu, chứng cứ chứa đựng ý kiến của anh Ly A M do Tòa án nhân dân huyện Phù Yên thực hiện theo Quyết định ủy thác của Tòa án nhân dân huyện Sốp Cộp.

Nguyên đơn chị Thào Thị D có ý kiến:

- Giữ nguyên yêu cầu giải quyết ly hôn anh Ly A M; yêu cầu trực tiếp nuôi 02 con chung là cháu Ly Đức C, giới tính: Nam, sinh ngày 08 tháng 02 năm 2017 và Ly Thị N, giới tính: Nữ, sinh ngày 17 tháng 9 năm 2018, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung; không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung, vay nợ chung.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với các đương sự cũng đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ, theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên Tòa bị đơn vắng mặt do đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là có căn cứ.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; để xử cho chị Thào Thị D được ly hôn anh Ly A M. Giao giao 02 cháu Ly Đức C, giới tính: Nam, sinh ngày 08 tháng 02 năm 2017 và Ly Thị N, giới tính: Nữ, sinh ngày 17 tháng 9 năm 2018 cho chị Thào Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Ly A M không phải cấp dưỡng nuôi con chung do đang phải chấp hành án phạt tù. Về tài sản chung, vay nợ chung do nguyên đơn không yêu cầu và bị đơn cũng có ý kiến vợ chồng có 01 ngôi nhà gỗ 03 gian yêu cầu tặng cho 02 cháu Ly Đức C và Ly Thị N. Do vậy tại phiên tòa không đặt ra vấn đề xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Miễn cho nguyên đơn không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

***Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, tòa án nhận định:***

[1] Về tố tụng: Xét yêu cầu giải quyết ly hôn và nuôi con chung của nguyên đơn là chị Thào Thị D, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, ngày 29/12/2023, anh Ly A M có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ vào khoản 2, 4 Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án tiến hành lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải và Quyết định đưa vụ án ra xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung yêu cầu giải quyết ly hôn:

[2.1] Xét quan hệ giữa chị Thào Thị D và anh Ly A M được xác lập trên cơ sở tự nguyện; thỏa mãn điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm

quyền. Do vậy được pháp luật công nhận là vợ chồng, theo quy định tại các Điều 8, và Điều 9 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014.

[2.2] Xét yêu cầu giải quyết ly hôn của chị Thào Thị D đối với anh Ly A M, Tòa án nhận thấy: Trong thời kỳ hôn nhân chị D và anh M có thời gian đầu chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên không kéo dài bởi anh M không chịu tu dưỡng bản thân cũng như quan tâm đến hạnh phúc gia đình để rồi mắc vào tệ nạn nghiện hút ma túy, tiếp đó là việc bị kết án tù chung thân về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Việc anh M phải chấp hành án phạt tù không thời hạn để lại gánh nặng nuôi 02 con cho chị D một mình gánh vác. Chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu giải quyết ly hôn anh M. Xét là có căn cứ chấp nhận, theo quy định tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014.

[2.3] Về yêu cầu nuôi con chung sau ly hôn: Trong thời kỳ hôn nhân chị Thào Thị D và anh Ly A M xác nhận có với nhau 02 con chung là cháu Ly Đức C, giới tính: Nam, sinh ngày 08 tháng 02 năm 2017 và Ly Thị N, giới tính: Nữ, sinh ngày 17 tháng 9 năm 2018. Chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi cả 02 cháu; anh M cho rằng ông bà nội, các chú, bác bên nội có thể nuôi 02 cháu. Xét căn cứ khoản 1 Điều 71 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014 quy định: "*Cha mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau cùng chăm sóc nuôi dưỡng con chưa thành niên ..*"; Điều 72 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014 quy định: "*Cha mẹ có nghĩa vụ và quyền giáo dục con, chăm lo và tạo điều kiện cho con học tập; Cha mẹ tạo điều kiện cho con được sống trong môi trường đầm ấm, hòa thuận; làm gương tốt cho con về mọi mặt; phối hợp chặt chẽ với nhà trường, cơ quan, tổ chức trong việc giáo dục con ...*". Xét hoàn cảnh thực tế anh M đang phải chấp hành án phạt tù, là người đang phải cải tạo bản thân, sửa chữa lỗi lầm; Với ông bà nội, cô, gi, chú bác bên gia đình anh M không thuộc đối tượng có nghĩa vụ nuôi dưỡng các con anh M. Do vậy cần giao 02 cháu (C, N) cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại các Điều 71, 72, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014. Anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị D không yêu cầu và thực tế anh M cũng chưa thể thực hiện được nghĩa vụ này do đang chấp hành án phạt tù.

Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không được ai cản trở.

[2.4] Về tài sản chung, vay nợ chung: Do nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Thào Thị D là đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu giải quyết ly hôn, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

**Vì các lẽ trên:**

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; các Điều 51, 56, 71, 72, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014;

1. Về yêu cầu giải quyết ly hôn: Xử cho chị Thào Thị D được ly hôn anh Ly A M.

2. Về con chung: Giao 02 cháu Ly Đức C, giới tính: Nam, sinh ngày 08 tháng 02 năm 2017 và Ly Thị N, giới tính: Nữ, sinh ngày 17 tháng 9 năm 2018 cho chị Thào Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Anh Ly A M không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Dai.

Anh Ly A M có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không được ai cản trở.

3. Về án phí: Chị Thào Thị D được miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

- Chị Vì Thào Thị D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án;

- Anh Ly A M được kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt theo thủ tục hợp lệ.

*“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự ”.*

**Nơi nhận:**

- Tòa án ND tỉnh;
- Viện kiểm sát (2 bản);
- Các đương sự;
- UBND xã Mường Lạn, h Sốp Cộp;
- Chi cục THADS;
- Lưu HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Kỳ Việt**